

Số: 37 /QĐ-PGDĐT

Mường Chà, ngày 11 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả xét học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập đối với học sinh khuyết tật 5 tháng đầu năm 2025, năm học 2024-2025

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Mường Chà về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Thông tư liên tịch số: 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động thương binh và Xã hội về quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật;

Xét tờ trình đề nghị phê duyệt chế độ chính sách học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập cho học sinh khuyết tật 5 tháng đầu năm 2025 của các đơn vị trường học trong huyện;

Căn cứ biên bản thẩm định hồ sơ xét duyệt chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; xét duyệt học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập đối với học sinh khuyết tật 5 tháng đầu năm 2025 thuộc năm học 2024-2025 của Hội đồng xét duyệt phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Mường Chà;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả xét học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập đối với học sinh khuyết tật 5 tháng đầu năm 2025 của 32 trường với 123 học sinh, tổng số tiền hỗ trợ 1.146.600.000 đồng (Một tỷ một trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng).

(Có bảng tổng hợp và danh sách học sinh kèm theo)

1. Thời gian được hưởng học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập: 05 tháng đầu năm 2025, thuộc năm học 2024-2025;

2. Học sinh khuyết tật được hưởng mức học bổng và mức hỗ trợ phương tiện đồ dùng học tập theo đúng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 7 của Thông tư liên tịch số: 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động thương binh và Xã hội.

Điều 2. Các Hội đồng xét học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập đối với học sinh khuyết tật có trách nhiệm niêm yết, thông báo công khai kết quả thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các bộ phận chuyên môn Mầm non, Tiểu học, THCS, Kế toán, Tổ chức, Hiệu trưởng các trường có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, KT, CMMN, CMTH, CMTHCS.

TRƯỞNG PHÒNG



Trần Hồng Quân

DANH SÁCH
TRƯỜNG, SỐ LƯỢNG HỌC SINH KHUYẾT TẬT 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2025
Kèm theo Quyết định số: 37 /QĐ-PGDĐT ngày 11 /3/2025 của Phòng GD&ĐT)

TT	Trường	Số lượng học sinh khuyết tật	Ghi chú
1	Mầm non số 2 Na Sang	3	
2	Mầm non Ma Thì Hồ	3	
3	Mầm non Huổi Lèng	2	
4	Mầm non Hừa Ngải	1	
5	Mầm non số 2 Sá Tổng	1	
6	Mầm non Mường Anh	1	
7	Mầm non Nậm Nèn	3	
8	Mầm non Huổi Mí	3	
9	Mầm non Mường Tùng	1	
10	Trường Tiểu học số 1 Mường Mươn	2	
11	Trường PTDTBT TH số 2 Mường Mươn	1	
12	Trường PTDTBT TH số 1 Na Sang	3	
13	Trường PTDTBT TH số 2 Na Sang	8	
14	Trường PTDTBT TH Ma Thì Hồ	5	
15	Trường PTDTBT TH Sa Lông	2	
16	Trường PTDTBT TH Huổi Lèng	11	
17	Trường PTDTBT TH Hừa Ngải	2	
18	Trường PTDTBT TH Nậm He	5	
19	Trường PTDTBTTH số 2 Sá Tổng	5	
20	Trường PTDTBTTH Mường Anh	8	
21	Trường PTDTBTTH Nậm Nèn	7	
22	Trường PTDTBTTH Huổi Mí	2	
23	Trường PTDTBT THCS Na Sang	7	
24	Trường THCS Thị trấn	2	
25	Trường PTDTBT THCS Sa Lông	3	
26	Trường PTDTBT THCS Huổi Lèng	4	
27	Trường PTDTBT THCS Hừa Ngải	2	
28	Trường TH&THCS Mường Tùng	2	Cấp TH: 1 Cấp THCS: 1



29	Trường PTDTBT TH&THCS Sá Tổng	10	Cấp TH: 5 Cấp THCS: 5
30	Trường THCS Mường Anh	8	
31	Trường THCS Nậm Nèn	5	
32	Trường PTDTBT THCS Huổi Mí	1	
Tổng cộng		123	



DANH SÁCH HỌC SINH KHUYẾT TẬT CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC
Được chi trả học bổng 5 tháng đầu năm 2025, năm học 2024 - 2025
(Kèm theo Quyết định số: 37/QĐ-PGDĐT ngày 11/3/2025 của Phòng GD&ĐT)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Giới tính	Học sinh trường	Lớp	Diện hỗ trợ	Dạng khuyết tật	Mức độ khuyết tật	Chi trả học bổng			Họ tên bố (mẹ, chủ hộ)	Hộ khẩu thường trú (Bản, xã)		
		Ngày	Tháng	Năm							Mức học bổng hỗ trợ/tháng (đ)	Số tháng hỗ trợ	Tổng mức hỗ trợ (đ)		Bản	Xã	Huyện
1	Giàng A Minh	12	1	2016	Nam	Tiểu học số 1 Mường Mươn	3A2	Hộ nghèo	Trí tuệ	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Giàng A Sinh	Kết Tinh	Mường Mươn	Mường Chà
2	Sùng Thị Dứa	1	8	2014	Nữ	Tiểu học số 1 Mường Mươn	5A1	Hộ nghèo	Trí tuệ	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Sùng Giồng Páo	Kết Tinh	Mường Mươn	Mường Chà
3	Vừ Thị Giây	8	1	2018	nữ	PTDTBT TH số 1 Na Sang	1B	Hộ nghèo	Nhìn	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Vừ A Nénh	Huổi Lóng	Na Sang	Mường Chà
4	Vàng A Châu	16	6	2017	Nam	PTDTBT TH số 1 Na Sang	2F	Hộ nghèo	Nghe, nói	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Vàng A Xanh	Huổi Hạ	Na Sang	Mường Chà
5	Vàng Thị Phương	27	10	2016	Nữ	PTDTBT TH số 1 Na Sang	3C	Hộ nghèo	Trí tuệ	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Vàng A Dứa	Huổi Hạ	Na Sang	Mường Chà
6	Giàng Xuân Trường	1	2	2017	Nam	PTDTBT TH số 2 Na Sang	2	Hộ nghèo	Vận động	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Giàng A Bi	Huổi Xưa	Na Sang	Mường Chà
7	Sùng A Khai	31	7	2017	Nam	PTDTBT TH số 2 Na Sang	2	Hộ nghèo	Vận động	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Sùng A Chính	Huổi Xưa	Na Sang	Mường Chà
8	Sùng Thị Huyền	30	10	2016	Nữ	PTDTBT TH số 2 Na Sang	3	Hộ nghèo	Vận động	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Sùng A Sỏ	Huổi Xuân	Na Sang	Mường Chà
9	Lý A Hoàn	5	6	2016	Nam	PTDTBT TH số 2 Na Sang	3	Hộ nghèo	Nghe, nói	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Lý A Phong	Huổi Xuân	Na Sang	Mường Chà
10	Lầu Thị Xú	16	4	2016	Nữ	PTDTBT TH số 2 Na Sang	3	Hộ nghèo	Nghe, nói	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Lầu A Kỳ	Huổi Xưa	Na Sang	Mường Chà
11	Hờ Thị Mì	19	8	2016	Nữ	PTDTBT TH số 2 Na Sang	3	Hộ nghèo	Trí tuệ	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Hờ A Sỏ	Huổi Xưa	Na Sang	Mường Chà
12	Giàng Thị Cú	6	6	2014	Nữ	PTDTBT TH số 2 Na Sang	5	Hộ nghèo	Vận động	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Giàng A Khá	Huổi Xuân	Na Sang	Mường Chà

13	Cháng A Long	21	1	2014	Nam	PTDTBT TH số 2 Na Sang	5	Hộ nghèo	Trí tuệ	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Cháng A Nải	Huổi Xuân	Na Sang	Mường Chà
14	Vừ A Quyền	14	8	2018	Nam	PTDTBT TH Huổi Lèng	1MLT	Hộ nghèo	Nghe, nói	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Vừ A Minh	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà
15	Vừ Phi Công	27	4	2017	Nam	PTDTBT TH Huổi Lèng	2MLT	Hộ nghèo	Vận động	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Vừ A Phừ	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà
16	Giàng Li Hùng	10	12	2017	Nam	PTDTBT TH Huổi Lèng	2TD	Hộ nghèo	Vận động	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Giàng A Sênh	Trung Đình	Huổi Lèng	Mường Chà
17	Liều A Thắng	29	5	2016	Nam	PTDTBT TH Huổi Lèng	3a1	Hộ nghèo	Nhìn	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Liều A Sây	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà
18	Giàng Bình An	26	1	2016	Nam	PTDTBT TH Huổi Lèng	3a2	Hộ nghèo	Vận động	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Giàng A Vàng	Huổi Tóong 1	Huổi Lèng	Mường Chà
19	Lò Hoàn Sếng	25	3	2015	Nữ	PTDTBT TH Huổi Lèng	4a1	Hộ nghèo	Nhìn	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Lò Seo Lũ	Huổi Lèng	Huổi Lèng	Mường Chà
20	Hồ A Hữu	11	10	2015	Nam	PTDTBT TH Huổi Lèng	4a2	Hộ nghèo	Vận động	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Hồ A Khoa	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà
21	Chớ Thị Bang Tuyết	3	7	2015	Nữ	PTDTBT TH Huổi Lèng	4a3	Hộ nghèo	Nghe, nói	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Giàng Thị Mỹ	Trung Đình	Huổi Lèng	Mường Chà
22	Chớ Thị Tri	18	12	2014	Nữ	PTDTBT TH Huổi Lèng	5a1	Hộ nghèo	Nhìn	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Chớ A Chổng	Ca Dính Nhè	Huổi Lèng	Mường Chà
23	Hạng Thị Thủy	22	11	2014	Nữ	PTDTBT TH Huổi Lèng	5a2	Hộ nghèo	Nghe, nói	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Hạng A Ly	Trung Đình	Huổi Lèng	Mường Chà
24	Hồ Ngọc Nhung	20	8	2014	Nữ	PTDTBT TH Huổi Lèng	5a3	Cận nghèo	Vận động	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Hồ A Sinh	Ca Dính Nhè	Huổi Lèng	Mường Chà
25	Vừ A Dừng	6	1	2015	Nam	PTDTBT TH Hừa Ngải	4A4	Hộ nghèo	KT Nghe nói	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Vừ Chừ Má	Hát tre	Hừa Ngải	Mường Chà
26	Ly Thị Phương Linh	28	8	2018	Nữ	PTDTBT TH Hừa Ngải	1	Hộ nghèo	KT Vận động	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Ly A Phừ	Phi Công	Hừa Ngải	Mường Chà
27	Chang A Cái	7	1	2016	Nam	PTDTBT TH Nậm He	3A3	Hộ nghèo	Vận động	Đặc biệt nặng	1.872.000	5	9.360.000	Chang A Chúng	Nậm Piễn	Mường Tùng	Mường Chà
28	Chang A Dinh	25	3	2015	Nam	PTDTBT TH Nậm He	4A4	Hộ nghèo	Vận động	Đặc biệt nặng	1.872.000	5	9.360.000	Chang A Tủa	Nậm Piễn	Mường Tùng	Mường Chà

29	Sùng A Phừ	18	1	2013	Nam	PTDTBT TH Nậm He	5A2	Hộ nghèo	Nghe - Nhìn	Khuyết tật nặng	1.872.000	5	9.360.000	Sùng A Dơ	Huổi Trá	Mường Tùng	Mường Chà
30	Ly A Mạnh	3	9	2014	Nam	PTDTBT TH Nậm He	5A2	Hộ nghèo	Nhìn	Khuyết tật nặng	1.872.000	5	9.360.000	Ly A Bình	Nậm Piên	Mường Tùng	Mường Chà
31	Giàng Thị La	10	11	2014	Nữ	PTDTBT TH Nậm He	5A3	Hộ nghèo	Vận động	Khuyết tật nặng	1.872.000	5	9.360.000	Giàng A Chua	Huổi Trá	Mường Tùng	Mường Chà
32	Súng A Hoắc	16	10	2017	Nam	PTDTBT TH số 2 Sá Tổng	2A	Hộ nghèo	Không có lỗ tai, không biết nói	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Sùng A Sài	Trung Ghênh	Sá Tổng	Mường Chà
33	Hờ A Canh	26	4	2015	Nam	PTDTBT TH số 2 Sá Tổng	4B	Hộ nghèo	Câm điếc	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Hờ A Giàng	Dế Da	Sá Tổng	Mường Chà
34	Sùng Trần Cường	13	9	2015	Nam	PTDTBT TH số 2 Sá Tổng	4C	Hộ nghèo	Vận động	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Sùng Sáu Phòng	Trung Ghênh	Sá Tổng	Mường Chà
35	Giàng A Thông	15	8	2014	Nam	PTDTBT TH số 2 Sá Tổng	5A	Hộ nghèo	Câm điếc, trí tuệ	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Giàng Minh Chua	Háng Mùa Lừ	Sá Tổng	Mường Chà
36	Vàng A Linh	29	9	2012	Nam	PTDTBT TH số 2 Sá Tổng	5C	Hộ nghèo	Vận động, nghe nói, trí tuệ	68% Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Vàng A Lý	Trung Ghênh	Sá Tổng	Mường Chà
37	Điêu Gia Huy	11	7	2018	Nam	PTDTBT TH Mường Anh	1A1	Hộ cận nghèo	Nghe, nói	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Điêu Thị Hiền	Mường Anh 2	Pa Ham	Mường Chà
38	Vừ Đông Nhi	29	12	2018	Nam	PTDTBT TH Mường Anh	1A2	Hộ nghèo	Vận động	Đặc biệt	1.872.000	5	9.360.000	Vừ Giồng Nhè	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà
39	Vừ A Lù	2	2	2018	Nam	PTDTBT TH Mường Anh	1A2	Hộ nghèo	Nghe, nói	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Vừ A Chinh	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà
40	Lò Thanh Nhân	21	03	2017	Nữ	PTDTBT TH Mường Anh	2A1	Hộ nghèo	Khuyết tật khác	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Lò Văn Quả	Mường Anh 1	Pa Ham	Mường Chà
41	Tòng Văn Linh	4	1	2016	Nam	PTDTBT TH Mường Anh	3A1	Hộ cận nghèo	Sứt môi, hở hàm ếch	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Tòng Văn Cộn	Mường Anh 2	Pa Ham	Mường Chà
42	Hờ A Mua	21	2	2016	Nam	PTDTBT TH Mường Anh	3A2	Hộ nghèo	Câm	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Hờ A Chác	Huổi Đáp	Pa Ham	Mường Chà
43	Sùng A Lâm	29	10	2016	Nam	PTDTBT TH Mường Anh	3A3	Hộ nghèo	Thần kinh - Tâm thần	Đặc biệt - Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Sùng A Vừ	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà
44	Giàng Thị Ma	4	7	2014	Nữ	PTDTBT TH Mường Anh	5A3	Hộ nghèo	Vận động	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Giàng Nhè Séo	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà

45	Hạng Thị Vân Nhung	7	12	2016	Nữ	PTDTBT TH Nậm Nền	2A1	Hộ nghèo	Khuyết tật trí tuệ	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Hạng A Vang	Háng Trờ	Nậm Nền	Mường Chà
46	Lò Thiện Nhân	22	12	2017	Nam	PTDTBT TH Nậm Nền	2	Hộ nghèo	Sứt môi, hở hàm ếch	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Lò Văn Inh	Phiêng Đát A	Nậm Nền	Mường Chà
47	Ly Văn Định	28	1	2015	Nam	PTDTBT TH Nậm Nền	2	Hộ nghèo	Khuyết tật trí tuệ	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Lý Thị Kỳ	Hồ Múc	Nậm Nền	Mường Chà
48	Lò Thị Minh Châu	17	9	2015	Nữ	PTDTBT TH Nậm Nền	4A2	Hộ nghèo	Sứt môi, hở hàm ếch	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Lò Văn Trang	Phiêng Đát A	Nậm Nền	Mường Chà
49	Lò Văn Duy	31	8	2014	Nam	PTDTBT TH Nậm Nền	5A1	Hộ nghèo	Chậm phát triển trí tuệ	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Lò Văn Chương	Phiêng Đát A	Nậm Nền	Mường Chà
50	Vừ Thị Thu Hiền	17	9	2014	Nữ	PTDTBT TH Nậm Nền	5A1	Hộ nghèo	Dị tật tim bẩm sinh	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Vừ A Vả	Háng Trờ	Nậm Nền	Mường Chà
51	Vừ Thị Ngọc Phương	27	8	2014	Nữ	PTDTBT TH Nậm Nền	5A2	Hộ nghèo	Nói ngọng, Chậm phát triển,	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Vừ A Khoa	Háng Trờ	Nậm Nền	Mường Chà
52	Lò Đăng Khoa	28	7	2018	Nam	PTDTBT TH& THCS Mường Tùng	1	Hộ nghèo	Thần kinh	Khuyết tật nặng	1.872.000	5	9.360.000	Lò Đức Thắng	Mường Tùng	Mường Tùng	Mường Chà
53	Sùng Thị Bóc	14	2	2018	Nữ	PTDTBT TH& THCS Sá Tổng	1A	Hộ cận nghèo	Vận động	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Sùng A Thi	Phi 2	Sá Tổng	Mường Chà
54	Thào A Phong	2	1	2016	Nam	PTDTBT TH& THCS Sá Tổng	3B	Hộ nghèo	Vận động	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Thào A Mũ	Xà Phình 1	Sá Tổng	Mường Chà
55	Vàng Thị Sur	21	9	2016	Nữ	PTDTBT TH& THCS Sá Tổng	3C	Hộ nghèo	Vận động(liệt chân,tay)	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Vàng A Chở	Xà Phình 2	Sá Tổng	Mường Chà
56	Giàng A Thư	20	2	2015	Nam	PTDTBT TH& THCS Sá Tổng	4A	Hộ nghèo	Vận động	61% đặc biệt nặng	1.872.000	5	9.360.000	Giàng A Cầu	Xà Phình 2	Sá Tổng	Mường Chà
57	Sùng Thị Ganh	11	12	2017	Nữ	PTDTBT TH& THCS Sá Tổng	2B	Hộ nghèo	Khuyết tật đặc biệt nặng	Trẻ em khuyết tật đặc biệt	1.872.000	5	9.360.000	Sùng A Tú	Đề Đề	Sá Tổng	Mường Chà
58	Mùa Thị Đór	2	1	2017	Nữ	PTDTBT TH số 2 Mường Mươn	2	Hộ nghèo	Vận động	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Mùa A Khai	Huổi Ho	Mường Mươn	Mường Chà
59	Chớ Thị Thanh Xuân	21	2	2014	Nữ	PTDTBT TH Sa Lông	5A1	Hộ nghèo	Vận động	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Chớ A Sinh	Sa Lông 1	Sa Lông	Mường Chà
60	Hồ A Khánh	9	8	2017	Nam	PTDTBT TH Sa Lông	2A2	Hộ cận nghèo	Trí tuệ	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Hồ Thị Sung	Sa Lông 2	Sa Lông	Mường Chà

61	Sùng A Dơ	30	10	2017	Nam	PTDTBT TH Ma Thi Hồ	2A6	Hộ nghèo	Nhìn	Đặc biệt nặng	1.872.000	5	9.360.000	Sùng A Cá	Huổi Quang 1	Ma Thi Hồ	Mường Chà
62	Sùng Minh Huy	17	9	2016	Nam	PTDTBT TH Ma Thi Hồ	3A4	Hộ nghèo	Vận động	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Giàng Thị Kía	Hồ Chim 2	Ma Thi Hồ	Mường Chà
63	Giàng Thị Hiền	8	2	2018	Nữ	PTDTBT TH Ma Thi Hồ	1A1	Hộ nghèo	Nghe - Nói	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Hồ Thị Cầu	Làng Dung	Ma Thi Hồ	Mường Chà
64	Giàng Thị Dừa	20	6	2018	Nữ	PTDTBT TH Ma Thi Hồ	1A4	Hộ nghèo	Vận động	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Giàng A Cờ	Huổi Mỹ	Ma Thi Hồ	Mường Chà
65	Sùng A Hồ	18	4	2018	Nam	PTDTBT TH Ma Thi Hồ	1A1	Hộ nghèo	Vận động	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Sùng A Cháng	Hồ Chim 1	Ma Thi Hồ	Mường Chà
66	Thào Thị Phương Nhi	28	8	2018	Nữ	PTDTBT TH Huổi Mí	1A2	Hộ cận nghèo	Vận động	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Thào Giống Sinh	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà
67	Giàng Thị Hóa	1	11	2015	Nữ	PTDTBT TH Huổi Mí	4A1	Hộ cận nghèo	Vận động, nghe nói	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Giàng A Chu	Lùng Thàng 2	Huổi Mí	Mường Chà
Tổng													627.120.000				
Danh sách có 67 học sinh																	